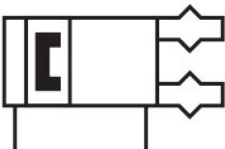


**Bộ kẹp tâm**  
**DHRC-10-A**  
Số bộ phận: 8125472

FESTO



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                            | Giá trị                                                       |
|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Kích thước                                          | 10                                                            |
| Độ chính xác trao đổi tối đa                        | 0.2 mm                                                        |
| Góc mở tối đa                                       | 180 °                                                         |
| đối xứng quay                                       | 0.2 mm                                                        |
| Độ chính xác lặp lại kẹp                            | 0.1 mm                                                        |
| Số chấu kẹp                                         | 2                                                             |
| Loại bộ truyền động                                 | khí nén                                                       |
| Vị trí lắp đặt                                      | bất kì                                                        |
| Nguyên tắc vận hành                                 | tác động kép                                                  |
| Chức năng kẹp                                       | Xuyên tâm                                                     |
| Thiết bị an toàn lực kẹp                            | không có                                                      |
| Cấu trúc xây dựng                                   | Hướng kết nối ở bên<br>chuỗi chuyển động cưỡng bức            |
| Phát hiện vị trí                                    | cho các công tắc gần                                          |
| Áp suất vận hành                                    | 0.1 MPA...0.8 MPA<br>1 bar...8 bar<br>14.5 psi...116 psi      |
| Tần số làm việc tối đa của kẹp                      | 3 Hz                                                          |
| Thời gian mở tối thiểu ở 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)    | 28 ms                                                         |
| Thời gian đóng tối thiểu ở 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)  | 43 ms                                                         |
| Môi chất vận hành                                   | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                          |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển               | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                | 0 - không ứng suất ăn mòn                                     |
| Tuân thủ LABS                                       | VDMA24364-B2-L                                                |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                      | -10 °C...60 °C                                                |
| Tổng mô-men kẹp ở 0,6 MPa (6 bar, 87 psi) mở        | 25.3 N cm                                                     |
| Đóng tổng mô men kẹp ở 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)      | 20.4 N cm                                                     |
| Mô-men quán tính khối lượng                         | 0.04 kgcm <sup>2</sup>                                        |
| Lực tối đa trên hàm kẹp Fz tĩnh                     | 35 N                                                          |
| Thời điểm tối đa tại thời điểm nắm chặt hàm Mx tĩnh | 0.5 N m                                                       |
| Mô-men tối đa trên các hàm kẹp My tĩnh              | 0.5 N m                                                       |
| Mô-men tối đa trên các hàm kẹp Mz tĩnh              | 0.5 N m                                                       |

| Đặc tính             | Giá trị                                                                                                                   |
|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| trọng lượng sản phẩm | 54 g                                                                                                                      |
| Kiểu gắn             | Gắn trực tiếp qua lỗ xuyên<br>Gắn trực tiếp thông qua ren<br>với lỗ xuyên và chốt<br>với ren trong và chốt khớp<br>tùy ý: |
| Cổng nối khí nén     | M3                                                                                                                        |
| Ghi chú vật liệu     | Tuân thủ RoHS                                                                                                             |
| Vật liệu nắp che     | Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa                                                                                                |
| Vật liệu vỏ          | Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa                                                                                                |
| Hàm kẹp vật liệu     | thép hợp kim                                                                                                              |